TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 27/3/2026
V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chỉ và ông Phạm Việt Phương

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 352/2025/TLST-HN&GĐ ngày 17/11/2025 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXX-ST ngày 12/02/2026, quyết định hoãn phiên toà số /2026/QĐ-TA ngày 10/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Anh Nguyễn Trọng Á, sinh năm 1983

Số CCCD: 030083008113 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/9/2022.

HKTT: Thôn C, phường N, thành phố Hải Phòng

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa L

Người đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của anh Á: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn C, phường N, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030064012497 do Bộ C cấp ngày 29/8/2024

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Hồng T1, sinh năm 1988

Số CCCD: 025188009069 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021

HKTT: Khu dân cư T, phường P, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn C, phường N, thành phố Hải Phòng.

(*Anh Ánh, ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị T1 có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng Á trình bày: Anh và chị Vũ Thị Hồng T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký skết hôn ngày 02/4/2007 tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (cũ), nay là phường N, thành phố Hải Phòng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị Vũ Thị Hồng T1 về nhà chồng ở tại đội 8, xóm Đ, thôn C, xã T, thành phố H (cũ) sinh sống. Đến năm 2012, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống, làm ăn liên tiếp thất bại dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi. Sau đó đến cuối năm 2013, chị Vũ Thị Hồng T1 bỏ đi không ở cùng nhà chồng và anh chị ly thân nhau từ đó cho tới nay, không ai còn quan tâm tới ai nữa. Hiện nay chị T1 đang trú tại thôn T, xã L, thành phố Hải Phòng. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo hoà giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn, tình cảm không hàn gắn được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Anh đề nghị được ly hôn với chị T1. Việc chị T1 nói chị T1 có công trong việc chăm sóc anh và gia đình nhà anh và muốn anh phải đảm bảo chỗ ở và bù đắp những thiệt thòi cho chị T1 do chị T1 đã chăm sóc anh và gia đình nhà anh là không đúng, anh không nhất trí với ý kiến này của chị T1. Vì sau khi vợ chồng lấy nhau thì anh chị về nhà bố mẹ anh ở, vợ chồng làm ăn thua lỗ, kinh tế không có nên phải nhờ gia đình anh chứ không có việc chị T1 chăm lo gì cho anh và gia đình anh. Đến cuối năm 2013 thì anh chị ly thân nhau, chị T1 dọn ra ngoài sinh sống, không còn ai quan tâm và liên lạc với nhau nữa nên vào tháng 7 năm 2025 anh có về Việt Nam chơi 1 tháng thì anh cũng không gặp và liên lạc với chị T1. Nay anh xác định tình cảm của vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Anh kiên quyết đề nghị ly hôn với chị T1 để đảm bảo mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và chị T1 có hai con chung: Nguyễn Vũ Bảo T2, sinh ngày 06/9/2007 và Nguyễn Vũ Nhật M, sinh ngày 24/11/2010. Hiện tại cháu T2 đang ở cùng chị T1, còn cháu M đang ở cùng anh. Cháu T2 đã trưởng thành, tự lập nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh

V tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hiện tại anh vẫn đang lao động tại Đức anh không thể về nước trực tiếp giải quyết vụ án được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh trong tất cả các phiên tòa của Tòa án. Anh ủy quyền cho bố đẻ anh là ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1964, trú tại: Thôn

C, phường N, thành phố Hải Phòng thay anh giao, nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án và chăm sóc, nuôi con là cháu Nguyễn Vũ Nhật M giúp anh trong khoảng thời gian anh đi làm xa, bố anh sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh biết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn chị Vũ Thị Hồng T1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng Á tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2007 tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với bố mẹ chồng là ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị T3 tại Thôn C, xã T. Anh chị chung sống với bố mẹ chồng chị đến thời điểm anh Ánh đi xuất khẩu lao động tại Đức vào năm 2022 thì anh chị mới ra ngoài thuê nhà để chị tiện đi làm công ty. Tuy nhiên chị vẫn thường xuyên qua lại chăm sóc và hiếu kính với bố mẹ đẻ anh Ánh.

Sau khi anh Á sang Đức, ban đầu anh vẫn thỉnh thoảng liên lạc về hỏi thăm vợ con nhưng về sau (từ khi con gái đi lấy chồng là khoảng đầu năm 2024) thì anh Ánh không liên lạc, quan tâm hay hỏi han gì. Thậm chí, khi con gái chị đi lấy chồng, anh Ánh và gia đình anh Ánh còn từ chối không cho đem lễ về bên nhà anh Ánh, không cho tổ chức đám cưới bên nhà nội, cũng không có trách nhiệm để lập gia đình cho cháu, anh Ánh cũng không về đám cưới con gái. Từ thời điểm con gái chị lấy chồng đến nay, do anh Ánh không quan tâm, lạnh nhạt cũng như gia đình bên nội không quan tâm đến mẹ con chị, anh Ánh chặn liên lạc nên chị không liên hệ được với anh Ánh từ đầu năm 2024 cho tới nay, anh Ánh cũng không liên lạc, hỏi thăm quan tâm tới chị nữa. Vào khoảng tháng 8 năm 2025 anh Ánh có về Việt Nam chơi 1 tháng nhưng cũng không tìm gặp chị, chị biết anh Ánh về nhưng chị cũng không về nhà gặp anh Ánh, một phần vì công việc và chăm sóc con, một phần vì chị tự ái và giận nên chị không về gặp anh Ánh. Sau đó anh Ánh lại đi sang nước ngoài, không liên lạc với chị. Việc vợ chồng không liên lạc và quan tâm tới nhau thì chị cũng không nói cho bố mẹ đẻ chị biết, còn gia đình anh Ánh có biết hay không thì chị không biết.

Nay anh Ánh đề nghị xin ly hôn chị, cố tình ruồng bỏ chị nhưng những năm qua chị đã thiệt thòi quá nhiều khi lấy anh Ánh, lo lắng chăm sóc cho anh Ánh và gia đình anh Ánh, giờ chị phải đi ở trọ nên anh Ánh phải đảm bảo chỗ ở cho chị. Chị chỉ đồng ý ly hôn với anh Ánh nếu như anh Ánh đảm bảo chỗ ở cho chị và bù đắp những thiệt thòi cho chị khoảng thời gian chị quan tâm tận tuỵ với anh Ánh và gia đình anh Ánh.

Về con chung*:* Chị và anh Ánh có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo T2, sinh ngày 06/9/2007 và cháu Nguyễn Vũ Nhật M, sinh ngày 24/11/2010. Cháu T2 hiện nay đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn đối với cháu M, hiện nay cháu đang ở với gia đình anh Ánh nên để đảm bảo cuộc sống cho cháu thì chị đề nghị Toà án ghi nhận lời khai của cháu M về việc cháu mong muốn ở với ai. Nếu cháu có nguyện vọng được ở với anh Ánh và anh

Ánh cũng có nguyện vọng nuôi con thì chị cũng nhất trí để anh Ánh nuôi con, anh Ánh không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con thì chị cũng đồng ý. Chị tôn trọng quan điểm của cháu M. Trong trường hợp cháu M đề nghị được ở với chị, chị đồng ý và sẽ có trách nhiệm nuôi nấng cháu M cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành và anh Ánh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm thời vụ tại công ty N tại L và chị đang phải ở nhà trọ tại thôn T, xã L.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung gì nên chị tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại Tổ dân phố C xác định: Anh Nguyễn Trọng Á và chị Vũ Thị Hồng T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 02/4/2007. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị T3, sinh năm 1963 – là bố mẹ đẻ của anh Ánh tại Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là Tổ dân phố C, phường N, thành phố Hải Phòng). Sau khi ở địa phương được một thời gian thì anh chị đi làm ăn xa nhưng vẫn thỉnh thoảng qua lại. Đến khoảng năm 2013, thì anh chị có đưa 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo T2, sinh ngày 06/9/2007 và cháu Nguyễn Vũ Nhật M, sinh ngày 24/11/2010 về địa phương chung sống với ông T và bà T3 còn anh chị tiếp tục đi làm ăn xa. Theo địa phương nắm được, từ thời điểm này anh chị đã sống ly thân với nhau, anh Ánh vẫn thường xuyên về địa phương còn chị T1 thỉnh thoảng qua lại. Khoảng 04 năm nay, chị T1 không qua lại nữa, còn anh Ánh vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng hiện nay anh đang đi xuất khẩu lao động ở bên Đức. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của anh chị, địa phương không nắm được, tuy nhiên nhiều năm nay anh chị không còn chung sống với nhau nữa. Đối với các cháu T2 và cháu M, theo địa phương nắm được, cháu T2 hiện nay đã trưởng thành, trên 18 tuổi và tự lập cuộc sống. Còn cháu M thì do anh Ánh nuôi dưỡng, khi anh Á đi làm xa thì gia đình anh Ánh hỗ trợ trông nom con chung giúp anh Ánh. Cháu M đang học lớp 10 Trường THPT T4, xã T, thành phố Hải Phòng và có cuộc sống ổn định. Quá trình chung sống chị T1 và anh Ánh có đi làm nhưng kinh tế làm ăn sa sút nên thường phải nhờ gia đình nhà anh Á trợ giúp về trông con và kinh tế. Nay anh chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật và lời khai của đương sự trong vụ án để giải quyết.

Tại văn bản số 4040/XNC-Đ1 ngày 01/12/2025 về việc trao đổi thông tin xuất nhập cảnh của phòng quản lý xuất nhận cảnh công an thành phố H thể hiện anh Nguyễn Trọng Á xuất cảnh gần nhất ngày 27/8/2025 bằng hộ chiếu số C8390863 qua cửa khẩu S; chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Vũ Nhật M thể hiện: Quá trình chung sống anh Ánh, chị T1 không hạnh phúc. Cháu Nhật M có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Trọng Á.

Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của anh Ánh trình bày: Anh Ánh và chị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình ông một thời gian sau đó đi làm xa. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân nhau từ năm 2013. Sau khi ly thân thì chị T1 cũng không thường xuyên về thăm, qua lại gia đình ông. Khoảng 4 năm nay chị T1 cắt đứt hẳn liên lạc với gia đình ông, không qua lại và cũng không hỏi thăm. Nay anh Ánh có đơn xin ly hôn chị T1, ông mong muốn Toà án sớm giải quyết cho anh Ánh để anh Ánh sớm ổn định cuộc sống. Anh Ánh và chị T1 có 02 con chung: Cháu Nguyễn Vũ Bảo T2 đã trưởng thành tự lập và ở cùng chị T1, còn cháu Nguyễn Vũ Nhật M hiện ở cùng anh Ánh và gia đình ông từ khi còn nhỏ. Anh Ánh và gia đình ông đều có nguyện vọng được nuôi cháu M. Do anh Á đang lao động ở nước ngoài nên ông sẽ tạo điều kiện giúp đỡ, chăm sóc cháu M trong khoảng thời gian anh Ánh đi làm xa.

Tại phiên tòa: Anh Ánh vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T1 không đồng ý ly hôn, chị xác định chỉ đồng ý ly hôn nếu anh Ánh lo cho chị về chỗ ở và bù đắp những thiệt thòi cho chị khi chị lo lắng, chu toàn cho anh Ánh và gia đình anh Ánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử cho anh Nguyễn Trọng Á được ly hôn chị Vũ Thị Hồng T1. Về con chung: Đối với con chung Nguyễn Vũ Bảo T2 -sinh ngày 06/9/2007 đã trưởng thành, tự lập nên không đặt ra việc giải quyết. Giao con chung Vũ Nhật M – sinh ngày 24/11/2010 cho anh Á tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi (Tạm giao cháu M cho ông Nguyễn

Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng trong khoảng thời gian anh Ánh lao động tại nước ngoài). Về án phí: Anh Ánh phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Trọng Á yêu cầu xin ly hôn chị Vũ Thị Hồng T1 và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về con chung. Bị đơn chị T1 hiện đang cư trú tại thôn T, xã L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Ánh vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Ánh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Á và chị Vũ Thị Hồng T1 kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H (nay là UBND phường N, thành phố Hải Phòng).

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh Ánh thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ánh, chị T1 do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không còn sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống xa nhau mỗi người một nơi trong thời gian dài nên tình cảm không còn. Vợ chồng sống ly thân nhau từ lâu, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Anh Ánh vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với chị T1. Chị T1 xác định chỉ đồng ý ly hôn với anh Ánh khi anh Ánh hỗ trợ chị về chỗ ở và bù đắp thiệt thòi cho chị. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Ánh và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trọng Á xin được ly hôn chị Vũ Thị Hồng T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Ánh và chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo T2, sinh ngày 06/9/2007 và cháu Nguyễn Vũ Nhật M, sinh ngày 24/11/2010. Đối với cháu T2 đã trưởng thành, tự lập nên anh Ánh, chị T1 không yêu cầu giải quyết. Anh Ánh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu M và không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T1 đề nghị căn cứ vào nguyện vọng của con chung. HĐXX xét thấy con chung Vũ Nhật M hiện đang ở cùng anh Ánh và gia đình anh Ánh. Cháu M có nguyện vọng được ở với anh Ánh. Gia đình anh Ánh luôn tạo điều kiện tốt nhất để anh Ánh nuôi con. Anh Ánh có công việc, thu nhập nên để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung cần tiếp tục giao con chung Vũ Nhật M cho anh Ánh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ánh không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh Á

đang lao động tại nước ngoài, anh Ánh có đề nghị tạm giao cháu M cho ông T là bố để chăm sóc, nuôi dưỡng nên tạm giao cháu Vũ Nhật M cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc trong khoảng thời gian anh Ánh ở nước ngoài là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ánh, chị T1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên tự nguyện không không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với quan điểm của chị T1 chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh Ánh chủ động liên lạc và trao đổi về việc hỗ trợ chị chỗ ở và bù đắp những thiệt thòi cho chị và đề nghị Toà án giải quyết nếu trong trường hợp anh Ánh không chủ động liên lạc để bù đắp, hỗ trợ chị theo như chị yêu cầu. Toà án đã tiến hành giải thích cho chị T1: Nếu chị yêu cầu Toà án giải quyết quyền lợi của chị trong vụ án này thì chị phải làm đơn yêu cầu gửi Toà án và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu của chị. Sau khi nghe giải thích chị T1 xác định chị không có tài liệu chứng cứ nào về nội dung trên để giao nộp cho Toà án. Toà án cũng đã ra Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ gửi cho chị T1 nhưng chị T1 cũng không có đơn yêu cầu cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gửi Toà án. Anh Ánh không đồng ý với yêu cầu của chị T1 nên Toà án không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Ánh có đơn xin ly hôn nên anh Ánh phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng Á được ly hôn chị Vũ Thị Hồng T1.

2. Về con chung: Anh Ánh và chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Bảo T2, sinh ngày 06/9/2007 và cháu Nguyễn Vũ Nhật M, sinh ngày 24/11/2010. Đối với cháu T2 đã trưởng thành, tự lập, anh Ánh và chị T1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Giao con chung Vũ Nhật M cho anh Nguyễn Trọng Á tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ánh tự nguyện không yêu cầu chị T1 phải

cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cháu Vũ Nhật M cho ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn C, phường N, thành phố Hải Phòng (là bố đẻ anh Ánh) nuôi dưỡng, chăm sóc trong khoảng thời gian anh Ánh ở nước ngoài

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng Á phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Hải Phòng theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0006542 ngày 17/11/2025. Anh Ánh đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T1, vắng mặt anh Ánh. Chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Ánh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Uỷ ban nhân dân phường Nam Đồng, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hạnh